

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 3 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiên, Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn H1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:**

Chị L kết hôn với anh Bùi Thanh T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 18/7/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, gia đình không có sự đồng thuận, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện hai người đã sống ly thân. Nhận thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thanh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Bùi Thùy D, sinh ngày 12/12/2016. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Thanh T quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn anh Bùi Thanh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị L, chị L được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

+ Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Bùi Thùy D, sinh ngày 12/12/2016. Nhận thấy cháu D đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị L có đơn khởi kiện ly hôn anh Bùi Thanh T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn anh Bùi Thanh T, trú tại thôn H1, xã E, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Bùi Thanh T vắng mặt

trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thị L và anh Bùi Thanh T đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2016, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Hiện anh chị đã sống ly thân. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, vợ chồng anh T, chị L đã phát sinh mâu thuẫn, hiện hai người đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, chị L được ly hôn với anh T là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị L và anh T có 01 con chung là Bùi Thùy D, sinh ngày 12/12/2016. Nhận thấy cháu D hiện đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2].Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị L.

[2.1]. *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị L được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

[2.2]. *Về con chung*: Chị L và anh T có 01 con chung là Bùi Thùy D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2016.

Giao cháu Bùi Thùy D cho chị Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4]. *Về tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 15165 ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Ea Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Anh Tuấn